

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ RÈN LUYỆN NĂNG LỰC SƯ PHẠM
CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐHSPT HÀ NỘI

(DỰ THẢO)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Cơ sở xác định nội dung cơ bản của Chương trình đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm cho sinh viên Trường ĐHSPTN

1.1.1. Cơ sở khoa học

1. Xuất phát từ đặc trưng của nhà trường phổ thông hiện đại, hội nhập quốc tế và yêu cầu về phẩm chất và năng lực của người giáo viên phổ thông.
2. Chuyển mục tiêu và nội dung đào tạo từ chủ yếu cung cấp tri thức sang *đào tạo năng lực của người giáo viên*.
3. Chuyển phương thức tổ chức đào tạo theo định hướng:
 - i) *Hình thành và phát triển kiến thức, kỹ năng và năng lực sư phạm, phẩm chất, nhân cách nghề của người sinh viên theo nguyên lý hoạt động, thông qua nghiên cứu và giải quyết các tình huống sư phạm.*
 - ii) *Gắn kết với cơ sở giáo dục phổ thông theo mô hình mạng lưới các cơ sở giáo dục phát triển nghề.*
 - iii) *Tổ chức quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ.*
 - iv) *Phát triển năng lực nghề nghiệp của giáo viên (GV) theo chu trình mở: Đào tạo- Bồi dưỡng thường xuyên.*

1.1.2. Cơ sở pháp lý

1. Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 8, Ban chấp hành Trung ương khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

2. Đề án ”Đổi mới Chương trình và Sách giáo khoa phổ thông sau năm 2015” (Dự thảo).
3. Chuẩn nghề nghiệp của giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông.
4. Chuẩn đầu ra trình độ đại học khối ngành sư phạm đào tạo giáo viên trung học phổ thông.
5. Quy chế đào tạo nghiệp vụ sư phạm trong hoạt động đào tạo giáo viên Trung học phổ thông.
6. Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo nghiệp vụ sư phạm trong hoạt động đào tạo giáo viên Trung học phổ thông.

1.1.3. Cơ sở thực tiễn

1. Biên bản tổng hợp ý kiến qua Hội nghị rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của các khoa và Bản tổng hợp kết quả Hội thảo về công tác rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên.
2. Chương trình đào tạo Đại học, Cao đẳng theo hệ thống tín chỉ niên khóa 2009-2013 của Trường ĐHSP Hà Nội.
3. Một số kết quả nghiên cứu của Chương trình khoa học giáo dục “Đổi mới đào tạo giáo viên trong các trường ĐHSP đáp ứng yêu cầu giáo dục phổ thông thời kì CNH- HĐH và hội nhập quốc tế”.

1.2. Mục tiêu của Chương trình

- 1.2.1. Hình thành và rèn luyện các năng lực sư phạm cốt lõi cho sinh viên (SV), qua đó góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực cho người giáo viên tương lai.
- 1.2.2. Hướng dẫn hoạt động đào tạo GV trong các cơ sở đào tạo GV.
- 1.2.3. Là một căn cứ để kiểm định, đánh giá chương trình, chất lượng đào tạo GV và đánh giá cơ sở đào tạo, bồi dưỡng GV.

Chương II

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

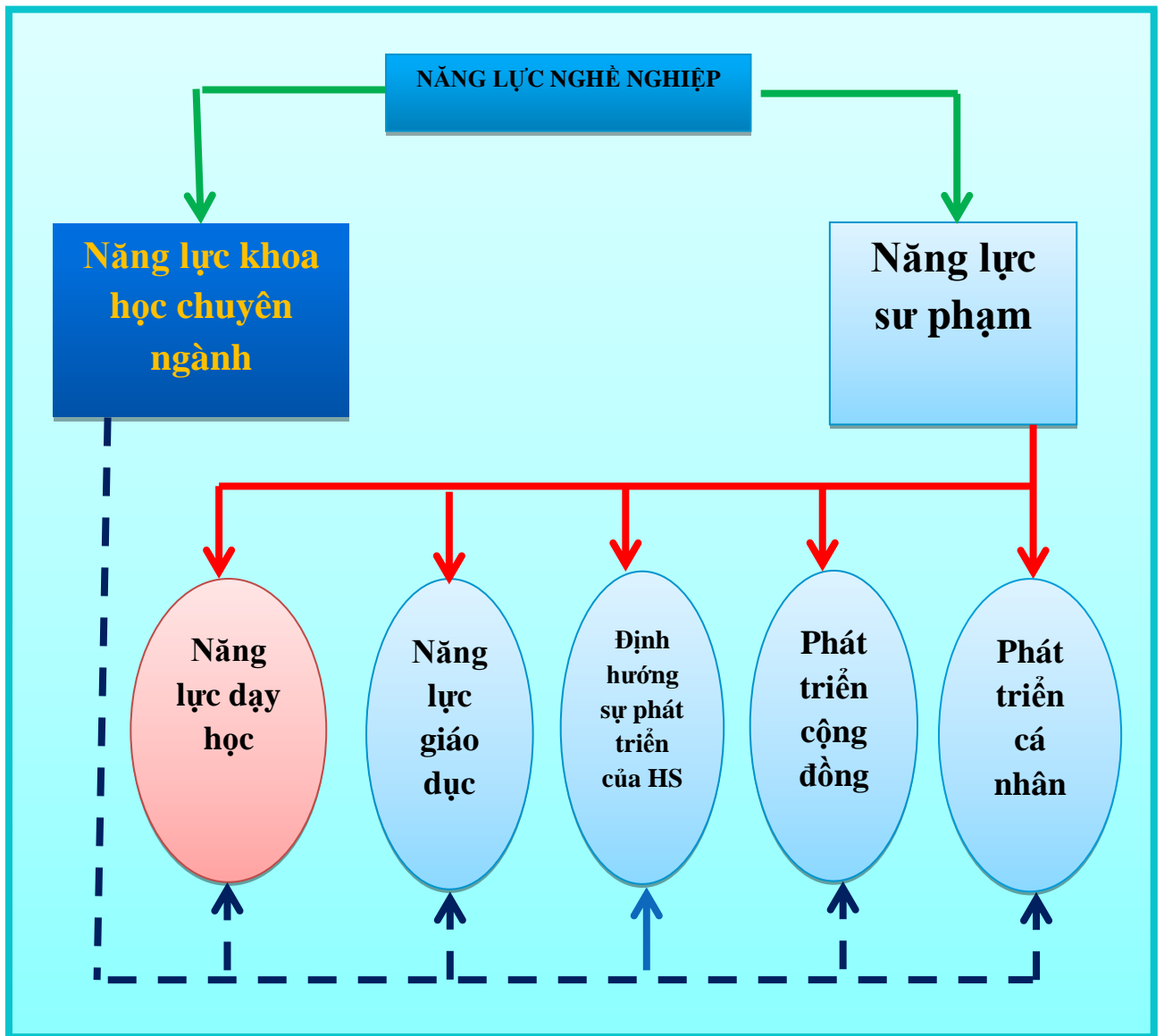
2.1. Hệ thống năng lực nghề nghiệp cần hình thành và rèn luyện cho SV sư phạm

Các nhóm năng lực nghề nghiệp cần hình thành và rèn luyện cho SV sư phạm

Xuất phát từ cấu trúc hoạt động sư phạm của người giáo viên, năng lực nghề nghiệp của sinh viên sư phạm được cấu trúc thành hai nhóm lớn: Năng lực chuyên ngành và Năng lực sư phạm.

Năng lực sư phạm được cấu trúc thành năm nhóm:

- Năng lực dạy học.
- Năng lực giáo dục.
- Năng lực định hướng sự phát triển của học sinh.
- Năng lực phát triển cộng đồng
- Năng lực phát triển cá nhân.



2.2. Khung các tiêu chuẩn cốt lõi của các nhóm năng lực sư phạm

<p>Năng lực dạy học và Năng lực giáo dục</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích chương trình và học liệu - Thiết kế kế hoạch dạy học và giáo dục - Sử dụng thành thạo các phương tiện dạy học hiện đại, đặc biệt là biết khai thác các tiến bộ của công nghệ thông tin và truyền thông trong tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục - Tổ chức các hoạt động học tập và tu dưỡng của học sinh (HS) - Tổ chức và quản lí lớp học - Hỗ trợ HS đặc biệt - Phối hợp với cha mẹ học sinh (CMHS) và các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường - Tổ chức đánh giá hiệu quả dạy học và giáo dục - Xây dựng, quản lí và khai thác hồ sơ dạy học và giáo dục - Thể hiện tư cách, đạo đức, lối sống lành mạnh, tác phong công nghiệp và thái độ thân thiện với HS, CMHS và cộng đồng địa phương
<p>Năng lực định hướng phát triển của HS</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện đặc điểm cá nhân và điều kiện, hoàn cảnh sống (về văn hoá, xã hội) của HS (Chẩn đoán tiên đề học tập và phát triển) - Hỗ trợ HS thiết kế chiến lược và kế hoạch phát triển - Hỗ trợ HS tự đánh giá và điều chỉnh
<p>Năng lực phát triển cộng đồng nghề và phát triển xã hội (tham gia các mặt</p>	<p><i>(i) Năng lực phát triển cộng đồng nghề:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia sẻ kiến thức, thông tin, kinh nghiệm nghề nghiệp

2	Các học phần nghiệp vụ	26tc = 19.6%	
3	Các học phần còn lại	86 tc = 65%	Kể cả ngoại ngữ chuyên ngành
Hai học phần GDQP và GDThế chất không tính trong 132 tín chỉ			

3.1.2. Các học phần nghiệp vụ sư phạm (NVSP) trong chương trình hiện hành

Bảng 1: Số lượng tín chỉ có chức năng cung cấp tri thức, hình thành kỹ năng NVSP

Học phần	Số tín chỉ (tc)	Ghi chú
Tâm lý học	3	
Giáo dục học	4	
QL hành chính nhà nước và QL ngành GD và ĐT	1	
Phương pháp NCKH	2	Trong đó có NCKHGD
Lí luận giáo dục (dạy học) bộ môn	6	Một vài khoa có 7 tc
Rèn luyện NVSP thường xuyên	1	
Kiến tập tại cơ sở GD	1	
Thực tập tốt nghiệp	6	
Kỹ năng giao tiếp	2	Tự chọn
Tổng	26 (2)	Trong đó có 2 tự chọn

3.2. Dự kiến theo chương trình mới (135 tín chỉ)

3.2.1. Dự kiến bổ sung các tín chỉ trong chương trình đào tạo

(i) Căn cứ để tăng tín chỉ

* Theo Quy chế đào tạo NVSP, số tín chỉ dành cho đào tạo NVSP phải đạt tối thiểu 25% số tín chỉ trong chương trình đào tạo chung của mã ngành.

* Theo biên bản các hội thảo NVSP và hội nghị rèn luyện NVSP đa số ý kiến đề nghị tăng thời lượng cho đào tạo NVSP trong chương trình đào tạo hiện hành.

* Theo kết quả cuộc họp lấy ý kiến cho dự thảo về nội dung đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm của trường ĐHSPTN giữa Ban giám hiệu; Ban nội dung với Trường các đơn vị.

* Kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học đều khẳng định phải tăng thời lượng các học phần đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm.

(ii) Dự kiến số tín chỉ đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm cần có theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT: tối thiểu $25\% \times 135 \text{ tín chỉ} = 34$.

3.2.2. Cơ cấu các học phần đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm sau khi được tăng

Bảng 3: Cấu trúc chương trình sau khi bổ sung các tín chỉ đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm

Cấu trúc chương trình	Số tc theo chương trình hiện tại	Số tc theo chương trình bổ sung 8 tc	Ghi chú
Các học phần chung	20 (15%)	20 (~15%)	Cả ngoại ngữ
Các học phần đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm cung cấp kiến thức, hình thành kỹ năng nghề nghiệp...	26 (19.6%)	34 (25%)	
Các học phần còn lại	86 (65%)	81 (60%)	Cả ngoại ngữ chuyên ngành
Tổng số tín chỉ	132	135	

Bảng 4: Cơ cấu các học phần đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm sau khi được tăng

Học phần		Cơ cấu các học phần		
		Số tc hiện tại	Tăng 8 TC	Ghi chú
Các học phần cơ sở chung cho việc đào tạo năng lực sư phạm		12	14	Tăng 2 tc
Các học phần cung cấp kiến thức, hình thành năng lực và kỹ năng dạy học chuyên ngành		6	8 , trong đó có 6 tín chỉ do bộ môn Lý luận và PPDH bộ môn phụ trách	Tăng 2 tc
Thực hành sư phạm	Rèn luyện NVSP thường xuyên	1	12	Tăng 4 tc
	Kiến tập tại cơ sở GD	1		
	Thực tập tốt nghiệp	6		
Tổng		26	34	
Tỉ lệ % cả khóa trình		26/132 (19.6%)	34/135 (25%)	

